TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2024
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Trần Thị Kim D**.

- Bà **Nguyễn Anh Thư.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Lài** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến -** Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 727/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXX - ST ngày 22 tháng 12 năm 2023; giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Kim D**, sinh năm 1988; Có mặt.

HKTT và nơi cư trú: Phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1987; Có mặt.

HKTT và nơi cư trú: Phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Kim D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn D vào ngày 24/4/2014, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại UBND xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, kết hôn lần thứ nhất.

Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống tại Hà Nội, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do anh D không quan tâm đến vợ con, đời sống tình dục không có dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 6/2020 từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang Minh (nam), sinh ngày 02/01/2017, ly hôn chị xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu và về cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết .

- Về tài sản chung (Động sản + bất động sản): Anh chị không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Chị xác nhận không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị Kim D vào ngày 24/4/2014, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại UBND xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, kết hôn lần thứ nhất.

Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống tại Hà Nội, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu, bên cạnh đó do anh bận công việc làm ăn xa ít có thời gian để quan tâm đến vợ con, bản thân anh đã thuyết phục để hàn gắn mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu nhưng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 9/2023 từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau.

Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin đoàn tụ.

- Về con chung: Anh D xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang Minh (nam), sinh ngày 02/01/2017. Nếu phải ly hôn, anh để chị D được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Minh; anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung (Động sản + bất động sản): Anh chị không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Anh D xác nhận không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị Kim D vẫn giữ nguyên nội D yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D, để chị D được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Quang Minh, về cấp dưỡng nuôi con chung anh D cấp dưỡng bao nhiêu là tùy anh D; Anh Trần Văn D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin đoàn tụ; về con chung nếu phải ly hôn anh để chị D được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị D và anh D xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận H có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Kim D đối với anh Trần Văn D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy báo, thông báo đến Tòa ghi lời khai, thông báo các phiên hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, bị đơn đã vi phạm khoản 16 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim D về việc xin ly hôn với anh Trần Văn D; Giao con chung là cháu Trần Quang Minh cho chị Trần Thị Kim D trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị D, anh D xác nhận không có và không có yêu cầu gì, nên không xét; Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim D có đơn xin ly hôn đối với anh Trần Văn D, nơi cư trú: Phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trần Văn D, tuy nhiên sau khi nhận được các văn bản tố tụng anh D không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D và các buổi làm việc anh D đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh D có mặt, nên HĐXX xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội D vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim D kết hôn với anh Trần Văn D vào ngày 24/4/2014 trước khi đăng kí kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại UBND xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đây là lần kết hôn thứ nhất. Do vậy HĐXX nhận định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do anh D không quan tâm đến vợ con, đời sống tình dục không có dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 6/2020 từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau. Bị đơn anh Trần Văn D trình bày: Nguyên nhân vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu, bên cạnh đó do anh D bận công việc và phải đi làm ăn xa ít có thời gian để quan tâm đến vợ con, bản thân anh đã thuyết phục để hàn gắn mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu nhưng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 9/2023 từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau; nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Văn D và chị Trần Thị Kim D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo

dài, chị D xin ly hôn là có căn cứ, việc anh D tại phiên tòa xin đoàn tụ nhưng anh D không đưa ra được các biện pháp hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị D vẫn cương quyết xin ly hôn anh D; do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của xin ly hôn của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh Trần Văn D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác định chị Trần Thị Kim D và anh Trần Văn D có có 01 con chung là cháu Trần Quang Minh (nam), sinh ngày 02/01/2017, hiện cháu Minh đang ở với chị D. Ly hôn chị D xin nuôi dưỡng và chăm sóc cháu con chung, kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng. HĐXX xét thấy từ khi anh chị sống ly thân con chung đều do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích của con khi bố mẹ ly hôn, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị D, giao con chung cháu Trần Quang Minh cho chị D tiếp tục trực tiếp, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; ghi nhận sự tự nguyện của anh D và chị D về việc anh D cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị D, anh D đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có các khoản nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Kim D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và ghi nhận sự tự nguyện của chị D tự chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. *Xử:* - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim D. Cho chị Trần Thị Kim D ly hôn anh Trần Văn D.

- *Về con chung:* Giao chị Trần Thị Kim D được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Trần Quang Minh (nam), sinh ngày 02/01/2017, kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn D; anh D cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Trần Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung*: Chị Trần Thị Kim D, anh Trần Văn D xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị Kim D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và ghi nhận sự tự nguyện của chị D chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0000471 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội. Chị Trần Thị Kim D tiếp tục phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. *Về quyền kháng cáo:*

Chị Trần Thị Kim D, anh Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;
(GCNKH số 18/2014, ngày 24/4/2014)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương